

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH

1. Nội dung tổ chức kiểm toán nội bộ(KTNB) tại các công ty tài chính(CTTC)

Để hiểu nội dung tổ chức KTNB trong CTTC, trước tiên cần hiểu thuật ngữ “tổ chức”. Trên thực tế, có nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ “tổ chức”. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: “Tổ chức là hình thức tập hợp, liên kết các thành viên trong xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng, lợi ích của các thành viên; cùng nhau hành động vì mục tiêu chung”. Một cách hiểu khác, tổ chức là “việc sắp xếp, bố trí thành các bộ phận để cùng thực hiện một nhiệm vụ hoặc cùng một chức năng chung” hay “tiến hành một công việc theo một cách thức, trình tự nào đó”. Thuật ngữ này cũng có thể được hiểu là “tập hợp người được tổ chức theo cơ cấu nhất định để hoạt động vì lợi ích chung”. Dưới góc độ nghiên cứu, giảng dạy và thực hành, thuật ngữ “tổ chức” thường được sử dụng rộng rãi với ý nghĩa rộng hơn, bao hàm tất cả các vấn đề về quản lý. Theo đó, khái niệm “tổ chức” được mô tả là “một phương thức giao phó và sau đó là kết hợp các nhiệm vụ công việc cụ thể trong bất kể một công ty hay một thực thể có tổ chức nào để đạt được các mục tiêu bao quát hơn”. Như vậy, tổ chức đối với một tổng thể là rất quan trọng. Các cá nhân trong một tổ chức cần được chỉ đạo về các quan hệ giữa mục tiêu tổng quát với các mục tiêu của các bộ phận cấu thành tổ chức. Trong trường hợp này, tổ chức bao gồm các mối liên hệ giữa các yếu tố trong một hệ thống.

Liên hệ các khái niệm tổ chức nêu trên với các phân tích về bản chất của KTNB trong các CTTC, có thể hiểu tổ chức KTNB là một hệ thống có chức năng đảm bảo và tư vấn về các thông tin và qui trình kiểm soát, quản trị và quản lý rủi ro do các KTV có trình độ tương xứng thực hiện dựa trên cơ sở pháp lý có hiệu lực tại các CTTC. Để thực hiện chức năng của mình, các KTVNB cũng cần được tập hợp theo những cách thức nhất định, với vị trí và các mối quan hệ được xác định rõ ràng với các bộ phận khác trong các doanh nghiệp. Các KTVNB cần vận dụng các phương pháp, kỹ thuật kiểm toán khác nhau theo một trình tự phù hợp với đối tượng và khách thể kiểm toán trong từng thời kỳ. Việc kết hợp các yếu tố này sẽ không giống nhau theo từng cuộc kiểm toán khác nhau và phụ thuộc rất nhiều vào quyết định của chủ thể kiểm toán. Tổ chức KTNB trong các CTTC có thể phân chia thành hai nội dung cơ bản là tổ chức hoạt động KTNB và tổ chức bộ máy KTNB.

Tổ chức hoạt động KTNB hướng đến mục tiêu là tạo ra mối liên hệ giữa các phương pháp kỹ thuật kiểm toán mà KTVNB áp dụng nhằm thực hiện chức năng xác nhận, tư vấn, bao gồm việc xác định phương pháp tiếp cận kiểm toán, xây dựng kế hoạch kiểm toán năm, thực hiện qui trình kiểm toán và việc kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán. Tổ chức hoạt động KTNB được thực hiện căn cứ vào yêu cầu thực hiện chức năng kiểm toán theo từng đối tượng, loại hình kiểm toán, khách thể và thời gian tiến hành kiểm toán.

Tổ chức bộ máy KTNB hướng đến mục tiêu là tạo ra mối liên hệ giữa các KTVNB, cũng như giữa KTVNB với các nhà quản lý và các đơn vị trong doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy KTNB với những mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động khác nhau nhằm thích ứng với đặc điểm của đối tượng được kiểm toán. Tổ chức bộ máy KTNB không chỉ mang tính khoa học mà còn mang tính nghệ thuật. Tính khoa học của tổ chức bộ máy kiểm toán đòi hỏi phải tạo những mối liên hệ chặt chẽ giữa các yếu tố trong hệ thống kiểm toán, giữa hệ thống kiểm toán với các yếu tố khác và giữa hệ thống với môi trường hoạt động. Tính nghệ thuật trong tổ chức bộ máy kiểm toán đòi hỏi phải xử lý các mối liên hệ này một cách mềm dẻo và linh hoạt nhằm thích ứng với các điều kiện cụ thể về nhân sự, môi trường.

Khi xem xét nội dung tổ chức KTNB, trước tiên cần xác định vị trí của KTNB trong doanh nghiệp. Đây là một vấn đề có ảnh hưởng bao trùm đến cả tổ chức bộ máy và tổ chức hoạt động KTNB.

Xét về nguyên tắc chung, bộ phận KTNB phải trực thuộc một người đủ quyền lực (trực thuộc lãnh đạo cấp cao nhất trong công ty) để đảm bảo sự độc lập của KTNB, sự bao quát của phạm vi kiểm toán, bảo đảm báo cáo kiểm toán được xem xét đầy đủ và có những biện pháp thích đáng trên cơ sở các kiến nghị của KTV.

Đối với các công ty lớn trên thế giới nói chung và CTTC nói riêng, mô hình tổ chức công ty thường gặp hiện nay là mô hình trong đó đứng đầu là HĐQT bao gồm các thành viên HĐQT là cơ quan quyền lực đại diện cho các chủ sở hữu, cổ đông của công ty, có quyền quyết định những vấn đề về chiến lược phát triển cũng như chính sách lớn của công ty. HĐQT thường có một số ủy ban giúp việc, ví dụ UBKT (audit committee), ủy ban quản lý rủi ro (risk committee)... Trong các ủy ban này, UBKT là ủy ban chịu trách nhiệm trực tiếp về việc giám sát hoạt động tài chính của công ty, kiểm tra tính trung thực của BCTC, chỉ đạo hoạt động của KTNB, lựa chọn và làm việc với công ty KTĐL. Ủy ban này bao gồm một số thành viên HĐQT không tham gia điều hành hoạt động của doanh nghiệp để đảm bảo tính độc lập khách quan. UBKT thường là yêu cầu bắt buộc với các công ty niêm yết tại Mỹ và châu Âu. Sau HĐQT là ban điều hành công ty, bao gồm tổng giám đốc (TGD) và các giám đốc điều hành các bộ phận, nghiệp vụ.

Mô hình tổ chức KTNB thường gặp là bộ phận KTNB được tổ chức trực thuộc UBKT. Theo mô hình này UBKT sẽ quản lý trực tiếp bộ phận KTNB và do đó đảm bảo tính độc lập của KTNB đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Các nhiệm vụ chính của UBKT bao gồm: tham gia bổ nhiệm các vị trí cao nhất của bộ phận KTNB; đánh giá và phê chuẩn các chương trình kế hoạch kiểm toán; tham gia xác định và quyết định ngân sách cho KTNB; xem xét các báo cáo KTNB và đánh giá hoạt động KTNB.

Trên thực tế, các thành viên của UBKT thường không chuyên trách nên việc quản lý bộ phận KTNB sẽ khó khăn. Do đó trong thực tế, bộ phận KTNB có thể được đặt dưới sự

điều hành của TGD. UBKT sẽ chịu trách nhiệm phê chuẩn quyết định bổ nhiệm hay bãi nhiệm trưởng bộ phận KTNB, phê duyệt các kế hoạch làm việc, kế hoạch nhân sự, ngân sách của bộ phận KTNB. Kết quả công việc KTNB sẽ được UBKT xem xét cùng với TGD. Mô hình này vẫn đảm bảo tính độc lập tương đối của KTVNB.

Các công ty nhỏ hơn có thể không cần thiết thành lập UBKT. Khi đó, về nguyên tắc, KTNB vẫn phải được báo cáo lên cấp lãnh đạo cao nhất trong công ty, ví dụ HĐQT hoặc ít nhất là TGD, và độc lập với các bộ phận nghiệp vụ của công ty. Trước kia, các công ty thường bố trí KTNB dưới quyền lãnh đạo và báo cáo lên giám đốc tài chính hoặc kế toán trưởng. Nhưng hiện nay, cách thức bố trí KTNB như vậy không còn được áp dụng phổ biến tại các công ty lớn trên thế giới, vì có thể khiến cho tính độc lập, khách quan của KTNB bị ảnh hưởng. Theo kết quả khảo sát tại các công ty niêm yết tại Anh quốc từ năm 2000 đến năm 2004, tỷ lệ bộ phận KTNB báo cáo lên giám đốc tài chính đã giảm từ 59% năm 2000 xuống 18% năm 2004, trong khi đó tỷ lệ báo cáo lên chủ tịch HĐQT/TGD tăng từ 17% lên 45%, còn tỷ lệ báo cáo lên UBKT tăng từ 16% lên 24%.

2. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ tại các công ty tài chính

KTNB trong các tổ chức phải là công việc thường xuyên, mang tính chiến lược. Việc tổ chức hoạt động KTNB có thể xem xét trên các nội dung chính là xác định phương pháp tiếp cận của KTNB, lập kế hoạch kiểm toán năm và thực hiện qui trình kiểm toán.

2.1. Xác định phương pháp tiếp cận của kiểm toán nội bộ

Trước khi tổ chức các hoạt động KTNB cụ thể, cần nghiên cứu phương pháp tiếp cận của KTNB đối với các nội dung được kiểm toán, vì đây là yếu tố ảnh hưởng tổng quát đến cách thức tiến hành các hoạt động kiểm toán. Việc xác định phương pháp tiếp cận phù hợp là điều kiện quan trọng để đảm bảo hiệu quả hoạt động của KTNB tại các CTTC.

Theo Phil Griffith, khi xem xét sự phát triển của KTNB, cụ thể là về cách thức tiếp cận của KTNB đối với các nội dung được kiểm toán, có thể chia thành bốn giai đoạn phát triển như sau:

Giai đoạn 1: Truyền thống

Cách tiếp cận đầu tiên và truyền thống nhất là cách tiếp cận chi tiết, nặng nhọc, nội dung kiểm toán chú trọng vào các hoạt động tài chính, chủ yếu mang tính tuân thủ và bao gồm việc rà soát một số lượng rất lớn các giao dịch. Thực tế là trong một số tổ chức, bao gồm cả các ngân hàng, cách kiểm toán như vậy được gọi là các cuộc kiểm tra (“inspection”). Hiện nay phần lớn các bộ phận kiểm toán hiện đại trên thế giới không còn thực hiện cách tiếp cận tốn nhiều thời gian như vậy.

Giai đoạn 2: Tiếp cận hệ thống

Giai đoạn phát triển tiếp theo của KTNB là cách tiếp cận hệ thống. Thay vì việc chú trọng vào các địa điểm, giao dịch riêng rẽ, thì KTNB tiếp cận theo các chu trình và hệ thống trong toàn bộ tổ chức. Cách tiếp cận hệ thống quan tâm đến tính đầy đủ của các thủ tục kiểm soát hơn là việc rà soát một số lượng lớn các giao dịch đơn lẻ. Đây là cách tiếp cận được đánh giá là mang tính tổng thể và xây dựng hơn so với cách tiếp cận truyền thống.

Giai đoạn 3: Định hướng rủi ro

Đây là cách tiếp cận hiện đại với KTNB. KTNB hiện đại được coi là có thể kiểm toán bất cứ một hoạt động nào trong tổ chức. Phương pháp tiếp cận theo rủi ro được sử dụng, chú trọng vào các hoạt động quan trọng với tổ chức. Phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro quan tâm tới các mục tiêu của tổ chức, và các rủi ro ảnh hưởng tới các mục tiêu đó, hơn là bản thân các thủ tục kiểm soát như trong phương pháp tiếp cận hệ thống. Mỗi quan tâm bây giờ là toàn bộ kết cấu của tổ chức chứ không phải là các hệ thống riêng biệt, với mục đích là xác định các lĩnh vực mà trách nhiệm không được xác định rõ ràng, ví dụ như nơi có sự đan xen, chồng chéo giữa các chức năng. Đây là các vấn đề mà các bộ phận kiểm toán cần hướng tới.

Giai đoạn 4: Hướng tới tương lai, hiện đại, tiên tiến (forward looking)

Giai đoạn phát triển này còn mang tính tiên tiến hơn nữa:

- Tìm kiếm và tiếp nhận các yêu cầu từ các bộ phận, đặc biệt là các nhiệm vụ mang tính tư vấn.
- Được coi là người đưa ra giải pháp (solution facilitator) hơn là người chỉ ra các vấn đề.
- Hoạt động với tư cách là một đối tác, thậm chí là cố vấn cho tổ chức. Đây là một vai trò tích cực và là kết quả tất yếu của cách tiếp cận dựa trên rủi ro.

Phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro là phương pháp tiếp cận đang được KTNB trên thế giới sử dụng rộng rãi hiện nay. Theo đó KTNB xuất phát từ việc xác định, đánh giá các rủi ro của tổ chức để xây dựng kế hoạch kiểm toán và lựa chọn các thủ tục kiểm toán nhằm đưa ra sự đảm bảo cho ban lãnh đạo về tính hiệu quả và tính hiệu lực của các qui trình quản lý rủi ro của tổ chức.

Điểm khác biệt giữa phương pháp tiếp cận hệ thống và phương pháp tiếp cận trên cơ sở đánh giá rủi ro là ở chỗ phương pháp tiếp cận rủi ro không xuất phát từ các thủ tục kiểm soát, mà xuất phát từ mục tiêu của tổ chức và các rủi ro ảnh hưởng tới mục tiêu đặt ra, từ đó đánh giá các hoạt động kiểm soát nhằm quản lý các rủi ro đó, từ chỗ đánh giá “liệu các

thủ tục kiểm soát có đầy đủ và hiệu lực hay không?” sang “rủi ro được kiểm soát tới mức độ nào?”.

Có thể thấy đây là phương pháp tiếp cận phù hợp với hoạt động của các CTTC. Như đã phân tích ở trên, hoạt động của CTTC chứa đựng nhiều rủi ro, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính của các công ty. Đồng thời, điều kiện môi trường kinh tế, pháp lý thường xuyên thay đổi và các sản phẩm dịch vụ mới trong hoạt động tài chính – tín dụng liên tục được phát triển. Nếu KTNB chỉ quan tâm tới bản thân các thủ tục kiểm soát mà không chú trọng đánh giá rủi ro thường xuyên thì có thể sẽ không nhận biết được các thay đổi từ môi trường hoạt động và không kịp thời nhận biết sự lỗi thời của các hoạt động kiểm soát.

Theo IIA, cách thức thực hiện kiểm toán trên cơ sở định hướng rủi ro của KTNB có thể khác nhau phụ thuộc vào trình độ phát triển của qui trình quản lý rủi ro hiện tại của tổ chức. Tại các tổ chức đã xây dựng được những qui trình quản lý rủi ro đầy đủ, KTNB dựa vào các đánh giá rủi ro hiện có của tổ chức để xây dựng kế hoạch kiểm toán. Ngược lại, nếu bản thân tổ chức chưa xây dựng được các qui trình quản lý rủi ro đầy đủ, KTNB có thể thực hiện các đánh giá của bản thân mình với sự tham gia của ban quản lý đơn vị để làm cơ sở xác định các thủ tục kiểm toán cần thiết. Tại các tổ chức này, KTNB có thể thực hiện chức năng tư vấn cho tổ chức trong việc xây dựng qui trình quản lý rủi ro, bao gồm nhận dạng, đo lường và quản lý rủi ro phù hợp.

Như vậy, về cơ bản, cách thức áp dụng phương pháp tiếp cận rủi ro có thể được áp dụng khác nhau tùy thuộc vào mức độ phát triển của qui trình quản lý rủi ro tại các CTTC. Tuy nhiên, điểm xuất phát của phương pháp tiếp cận này đều bắt đầu từ việc nghiên cứu các mục tiêu của CTTC. Do các mục tiêu của mỗi công ty có thể thay đổi theo từng thời kỳ, nên việc nghiên cứu các mục tiêu và các rủi ro phát sinh cần được thực hiện thường xuyên tại các CTTC. Điều kiện để KTNB áp dụng phương pháp tiếp cận trên cơ sở định hướng rủi ro là: thứ nhất, KTNB phải có hiểu biết sâu sắc về các mục tiêu và các rủi ro mà CTTC phải đối mặt; thứ hai, các CTTC phải thiết lập được tương đối đầy đủ hồ sơ các rủi ro, trong đó có đánh giá về khả năng và mức ảnh hưởng của các loại rủi ro cũng như biện pháp xử lý các rủi ro đó.

Về việc vận dụng phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro trong hoạt động kiểm toán: Phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro có thể được áp dụng trong toàn bộ quá trình kiểm toán, không chỉ đối với việc lập kế hoạch kiểm toán hàng năm, mà còn trong toàn bộ qui trình kiểm toán.

Khi lập kế hoạch kiểm toán năm, kết quả đánh giá rủi ro sẽ là căn cứ để trưởng bộ phận KTNB làm việc với UBKT, TGD và HĐQT trong việc xác định mức độ ưu tiên đối với các đối tượng kiểm toán. Các hoạt động sẽ được xếp hạng theo thứ tự rủi ro từ cao đến

thấp, trong đó những hoạt động được coi là có rủi ro cao sẽ được ưu tiên tập trung nhiều nguồn lực, thời gian hơn để thực hiện kiểm toán, được kiểm toán trước và được kiểm toán thường xuyên hơn các hoạt động có rủi ro thấp. Kế hoạch KTNB phải được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro, và phải được thay đổi, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với các diễn biến của các rủi ro đi kèm trong hoạt động của các đơn vị.

Để xây dựng kế hoạch kiểm toán và lựa chọn đối tượng cụ thể của kiểm toán, KTNB có thể chấm điểm rủi ro cho các bộ phận bằng việc xây dựng mô hình đánh giá rủi ro. Các mô hình đánh giá rủi ro cần cân nhắc tất cả các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro, và hạn chế yếu tố chủ quan trong quá trình đánh giá. Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro có thể chia thành các nhóm như các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tiềm tàng (ví dụ qui mô, đặc điểm của nghiệp vụ, tính phức tạp của các quy định pháp lý...), và các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro kiểm soát (như kinh nghiệm của lãnh đạo bộ phận, mức độ đầy đủ của các thủ tục kiểm soát...). Dựa trên kết quả chấm điểm rủi ro, KTNB xác định tần suất kiểm toán đối với các đơn vị được kiểm toán.

Bộ phận KTNB cần phải xác định, phân tích, đánh giá những rủi ro và xây dựng hồ sơ rủi ro cho từng nghiệp vụ tại công ty. Hồ sơ rủi ro bao gồm toàn bộ các loại rủi ro, tác động có thể có của các loại rủi ro đó đối với hoạt động của công ty và khả năng xảy ra rủi ro. Dựa trên đánh giá về tác động, khả năng xảy ra của các rủi ro, từng loại rủi ro được phân loại thành các mức rủi ro cao, trung bình hoặc thấp.

Khi thực hiện đánh giá rủi ro, bộ phận KTNB có thể sử dụng các công cụ như ma trận rủi ro, mô hình chấm điểm rủi ro cho các đối tượng kiểm toán để làm cơ sở lập kế hoạch kiểm toán.

Khi đánh giá từng rủi ro đơn lẻ, KTNB thường đánh giá rủi ro theo hai tiêu chí: khả năng xảy ra và tác động của rủi ro đến hoạt động của đơn vị. Hai tiêu chí này có thể được xác định trên các mức độ khác nhau (cao, thấp, trung bình) hoặc trên thang điểm (ví dụ từ 1 – 5) cho mỗi tiêu chí. Sau đó tổng điểm của mỗi rủi ro có thể được xác định bằng tổng hoặc tích số của hai tiêu chí trên để làm cơ sở xếp hạng rủi ro.

Trong quá trình thực hiện kiểm toán, KTNB dựa trên việc xác định và đánh giá rủi ro cụ thể tại từng bộ phận nghiệp vụ để xác định thủ tục kiểm toán phù hợp. Ví dụ khi thực hiện kiểm toán nghiệp vụ tín dụng tại CTTC, KTV cần xác định các rủi ro cụ thể trong quá trình nghiệp vụ và đánh giá sự thích hợp của thủ tục kiểm soát và các biện pháp giảm thiểu rủi ro mà đơn vị được kiểm toán đang áp dụng để hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro này, từ đó đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện quá trình nghiệp vụ. Do vậy, việc xác định đầy đủ các rủi ro tại từng bộ phận nghiệp vụ là rất quan trọng để có thể áp dụng phương pháp tiếp cận rủi ro có hiệu quả.

Phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro có thể được áp dụng trong tất cả các loại hình

kiểm toán. Cho dù thực hiện loại hình kiểm toán nào, KTNB cũng cần dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro để lập kế hoạch kiểm toán, ưu tiên thực hiện kiểm toán các hoạt động rủi ro nhất đối với tổ chức. Trong kiểm toán tài chính, KTNB chú trọng vào việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong các thông tin tài chính. Dựa trên đánh giá về rủi ro có sai sót trọng yếu trên thông tin tài chính, KTV xác định nội dung, phạm vi, lịch trình các thủ tục kiểm toán. KTV cần đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các cơ sở dẫn liệu đối với từng loại nghiệp vụ, số dư khoản mục hoặc các giải trình liên quan. Ví dụ khi kiểm toán nghiệp vụ đầu tư tại CTTC, KTV đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì KTV cần mở rộng phạm vi các thủ tục kiểm tra chi tiết trên các khoản đầu tư để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính trung thực, hợp lý của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Trong kiểm toán hoạt động, phạm vi của các rủi ro sẽ rộng hơn, không chỉ liên quan đến các thông tin kế toán, mà bao trùm lên toàn bộ các hoạt động của tổ chức do kiểm toán hoạt động chú trọng đánh giá tính hiệu quả và tính hiệu lực của các quy trình kiểm soát. Khi đó, KTVNB cần đánh giá toàn bộ các rủi ro trong hoạt động của đơn vị, từ đó xác định các thủ tục kiểm soát cần thực hiện. Trên cơ sở so sánh các thủ tục kiểm soát cần thực hiện với thực tế hoạt động của đơn vị, KTVNB có thể đưa ra đánh giá về tính hiệu lực và tính hiệu quả của các quy trình kiểm soát hiện tại của tổ chức. Ví dụ trong quy trình kinh doanh ngoại tệ, có rủi ro là các giao dịch viên có thể tạo ra các giao dịch mua bán không để thay đổi trạng thái ngoại tệ của mình. Để hạn chế rủi ro này, các CTTC cần thiết kế bộ phận giao dịch và bộ phận kiểm soát hoạt động phân tách, và một số công việc chỉ có thể do bộ phận kiểm soát thực hiện, ví dụ như việc xác nhận giao dịch với đối tác. Nếu khi phân tích quy trình, KTV nhận thấy việc đối chiếu giao dịch lại được qui định là do các giao dịch viên thực hiện, thì có thể kết luận là quy trình chưa được thiết kế phù hợp để hạn chế rủi ro.

Có thể nhận thấy những ưu điểm của phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro theo những nội dung sau:

Thứ nhất: KTVNB chủ động trong việc nhận diện, đánh giá rủi ro và thiết kế các thủ tục kiểm toán trên cơ sở đánh giá rủi ro ngay từ khi bắt đầu cuộc kiểm toán. Điều này giúp tăng cường vai trò của KTNB với tư cách là một sự trợ giúp để tổ chức hoàn thành mục tiêu của mình trong việc đưa ra sự đảm bảo về tính hiệu quả và tính hiệu lực của các quy trình hoạt động, đặc biệt là trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, các rủi ro ngày càng đa dạng và thể hiện trong nhiều hình thái khác nhau, các thủ tục kiểm soát có xu hướng lạc hậu theo thời gian;

Thứ hai: tăng tính hiệu quả của KTNB. Bằng việc chấm điểm các rủi ro và xác định tần suất kiểm toán trên cơ sở mức độ rủi ro giúp KTNB phân bổ các nguồn lực KTNB một cách hiệu quả nhất. Trọng tâm của hoạt động KTNB được đặt vào những lĩnh vực nhiều rủi

ro nhất đối với tổ chức. Theo David Griffiths, không chỉ giúp tăng hiệu quả của KTNB, phương pháp tiếp cận này còn giúp tăng hiệu quả hoạt động của cả tổ chức ở chỗ, nó không chỉ giúp xác định các rủi ro chưa được kiểm soát đầy đủ, mà còn giúp xác định các rủi ro không đáng kể đã bị kiểm soát quá mức, gây lãng phí nguồn lực của tổ chức [70, tr.6];

Thứ ba: giúp tăng cường mối quan hệ giữa KTNB với các nhà quản lý. Với cách tiếp cận này, KTNB và các nhà quản lý cùng xuất phát từ mục tiêu của tổ chức, các mối đe dọa đối với việc đạt được mục tiêu, từ đó xác định cách thức kiểm soát các rủi ro.

Điều này giúp nâng cao ý nghĩa của hoạt động KTNB và cải thiện sự hợp tác giữa KTNB với các nhà quản lý.

Từ những phân tích trên có thể thấy, phương pháp tiếp cận theo rủi ro là một phương pháp tiếp cận ưu việt, giúp KTVNB nhận biết được các rủi ro và xác định các lĩnh vực cần ưu tiên. Phương pháp tiếp cận này đặc biệt phù hợp với các CTTC, là loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nhạy cảm, rủi ro.

2.2. Lập kế hoạch kiểm toán năm

Lập kế hoạch kiểm toán năm là công việc đầu tiên bắt buộc, thường được thực hiện trước khi kết thúc năm tài chính. Việc lập kế hoạch kiểm toán năm là rất quan trọng, bởi KTNB tại các CTTC luôn phải đối mặt với các giới hạn về thời gian, chi phí, nhân lực cho hoạt động kiểm toán, trong khi các đối tượng được kiểm toán rất đa dạng, phức tạp, môi trường hoạt động thường xuyên thay đổi. Việc lập kế hoạch hàng năm giúp KTNB bao quát được tất cả các đối tượng kiểm toán, tập trung nguồn lực cho các hoạt động rủi ro hơn, giúp cho các cuộc kiểm toán được thực hiện một cách hiệu quả, tiết kiệm thời gian chi phí và đạt được mục tiêu đề ra. Việc lập kế hoạch, xác định đối tượng ưu tiên kiểm toán là quan trọng để có thể đảm bảo tính hiệu quả của kiểm toán.

Kế hoạch kiểm toán năm bao gồm các định hướng cơ bản, nội dung trọng tâm và phương pháp tiếp cận chung của các cuộc KTNB trong năm. Kế hoạch kiểm toán năm xác định đối tượng kiểm toán cũng như tần suất thực hiện kiểm toán tại các đối tượng cụ thể. Kế hoạch kiểm toán lập trên cơ sở đánh giá thông tin tổng quát về tình hình hoạt động và môi trường kinh doanh của tất cả các bộ phận, đơn vị trong CTTC.

Khi lập kế hoạch kiểm toán, KTNB thực hiện các công việc sau đây:

Thứ nhất: Thống nhất mục tiêu kiểm toán

Việc xác định mục tiêu kiểm toán có ý nghĩa rất quan trọng trong qui trình lập kế hoạch kiểm toán. Mục tiêu kiểm toán sẽ quyết định phương pháp và thủ tục kiểm toán cần tiến hành, nhân lực và thời gian dự kiến cho cuộc kiểm toán. Việc xác định mục tiêu kiểm toán có ý nghĩa quan trọng trong toàn bộ qui trình lập kế hoạch kiểm toán. Công việc này đòi hỏi KTNB phải có hiểu biết rõ ràng về các mục tiêu và những yêu cầu của nhà quản lý.

Mục tiêu kiểm toán có thể xác định ở các mức độ khác nhau, và thay đổi trong từng trường hợp cụ thể. Mục tiêu kiểm toán có thể là đánh giá tính tuân thủ trong từng đơn vị, hoặc ở mức độ cao hơn là đề xuất giải pháp cải tiến các hoạt động cụ thể. Khi xây dựng mục tiêu kiểm toán, cần quan tâm đến ngân sách cho hoạt động kiểm toán và nguồn nhân lực KTNB. Nếu yêu cầu của các nhà quản lý vượt xa so với ngân sách và nguồn nhân lực hiện có của KTNB, thì trưởng bộ phận KTNB cần trao đổi với các nhà quản lý để xác định mục tiêu phù hợp, đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển nguồn lực KTNB về cả chất lượng cũng như số lượng để có thể đáp ứng các yêu cầu quản lý.

Thứ hai: Xác định cách thức tổ chức kiểm toán

Sau khi thống nhất mục tiêu, KTVNB xác định cách thức tổ chức kiểm toán. Những nội dung cần quan tâm khi xác định cách thức tổ chức kiểm toán là: bố trí nhân sự, phạm vi các thủ tục kiểm toán, cách thức báo cáo phát hiện kiểm toán, mức độ, phạm vi áp dụng các hoạt động kiểm toán và thời gian thực hiện.

Thứ ba: Thu thập thông tin tổng quan về doanh nghiệp

Thu thập thông tin tổng quan về doanh nghiệp là cơ sở để lập kế hoạch kiểm toán. KTVNB cần thu thập các thông tin về môi trường kinh doanh tác động đến các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của CTTC như các biến động của môi trường kinh tế vĩ mô, tỷ giá, lãi suất, các thay đổi trong môi trường pháp lý như các quy định của chính phủ, NHNN, thay đổi trong cơ cấu tổ chức cán bộ, kết quả hoạt động kinh doanh... của công ty, thông tin về chiến lược, hoạt động của các đối thủ cạnh tranh. Khi môi trường kinh tế, pháp lý có những biến động lớn, KTNB cần chú trọng đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố này tới hoạt động của CTTC.

Thứ tư: Đánh giá rủi ro

Đánh giá rủi ro là một hoạt động có tính hệ thống nhằm phân tích, đánh giá, tổng hợp, xếp loại các rủi ro có thể ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu của CTTC. Mục tiêu của việc đánh giá rủi ro là nhằm lập kế hoạch kiểm toán trên cơ sở nhận thức và đánh giá các rủi ro lớn nhất. Thông qua đánh giá rủi ro, thời gian kiểm toán và phạm vi kiểm toán sẽ được ước tính cho từng đơn vị. Các nguồn lực kiểm toán sẽ được tập trung trước tiên cho các lĩnh vực nhiều rủi ro.

Để xây dựng kế hoạch kiểm toán trên cơ sở định hướng rủi ro, KTNB tại các CTTC cần xây dựng mô hình đánh giá rủi ro phù hợp. KTNB có thể thực hiện đánh giá, chấm điểm rủi ro của các quy trình nghiệp vụ theo các tiêu chí về qui mô, mức độ phức tạp, trình độ kinh nghiệm của lãnh đạo cũng như nhân viên của các bộ phận..., từ đó xếp hạng mức độ rủi ro của từng quy trình.

Thứ năm: Lập kế hoạch kiểm toán năm

Dựa trên kết quả đánh giá rủi ro, KTNB lập kế hoạch kiểm toán, trong đó xác định đối tượng, tần suất và nhân sự cho các cuộc kiểm toán. Những qui trình nghiệp vụ được đánh giá là có mức rủi ro cao cần được kiểm toán thường xuyên, ví dụ ít nhất một lần trong một năm. Ngoài kết quả đánh giá rủi ro, KTNB có thể dựa vào một số yếu tố khác để lập kế hoạch, chẳng hạn các vấn đề đã được phát hiện trong lần kiểm toán trước, các yêu cầu cụ thể của cấp quản lý hoặc UBKT, hoặc của cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng.

2.3. Thực hiện qui trình kiểm toán nội bộ

Việc tổ chức thực hiện KTNB tại các CTTC cũng tuân theo qui trình KTNB nói chung. Một cuộc KTNB thường gồm các giai đoạn cơ bản sau đây: lập kế hoạch cuộc kiểm toán; thực hiện kiểm toán; kết thúc kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán; theo dõi và kiểm tra sau kiểm toán.

Giai đoạn 1: Lập kế hoạch cuộc kiểm toán

Kế hoạch cuộc kiểm toán là kế hoạch kiểm toán được lập cho từng cuộc kiểm toán tại từng bộ phận, nghiệp vụ trong CTTC nhằm chỉ đạo tổ chức thực hiện các hoạt động cụ thể của cuộc kiểm toán. Căn cứ để xây dựng kế hoạch cuộc kiểm toán là kế hoạch kiểm toán năm được phê duyệt và đặc điểm của bộ phận, đơn vị được kiểm toán. Giai đoạn này gồm các nội dung sau:

Thứ nhất: Thực hiện nghiên cứu sơ bộ

Trước khi bắt đầu công việc ở một đơn vị cụ thể, KTVNB cần thực hiện quá trình thăm tra tình hình chung tại đơn vị và một số tài liệu liên quan. Những vấn đề được nghiên cứu trong bước này bao gồm:

Trước tiên, KTVNB tiến hành thăm tra hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán các năm trước. KTVNB cần lưu ý các phương pháp, thủ tục kiểm toán được thực hiện, các vấn đề phát sinh và các giải pháp, kiến nghị.

Tiếp theo, KTVNB tìm hiểu tình hình tổ chức của đơn vị, tiếp xúc và phỏng vấn nhân viên. KTV tìm hiểu sơ đồ tổ chức của đơn vị, cơ cấu và trách nhiệm của từng đơn vị, từng bộ phận.

Sau đó, KTVNB tìm hiểu HTKSNB của đơn vị. Việc xem xét HTKSNB bao gồm việc mô tả, phân tích và đánh giá HTKSNB của đơn vị, qua đó đánh giá rủi ro kiểm soát. Việc mô tả và phân tích HTKSNB có thể bao gồm lập và trả lời bảng câu hỏi về KSNB, lập bảng lưu đồ, bảng tường trình và các thủ tục kiểm tra xuyên suốt (walk-through test).

Thứ hai: Lập kế hoạch cuộc kiểm toán và thiết kế chương trình kiểm toán

Dựa vào kết quả nghiên cứu sơ bộ, KTV xác định bản chất và nội dung công việc KTNB phải thực hiện và xây dựng kế hoạch cuộc kiểm toán. Nội dung kế hoạch cuộc kiểm

toán là sự cụ thể hóa kế hoạch KTNB năm về thời gian, công việc, nhân sự, phạm vi và mục tiêu kiểm toán. Kế hoạch cuộc kiểm toán có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện nếu có những thay đổi về điều kiện thực hiện.

Trên cơ sở kế hoạch cuộc kiểm toán, KTNB tiến hành thiết kế chương trình KTNB đối với từng đối tượng kiểm toán. Chương trình kiểm toán là toàn bộ các chỉ dẫn cho KTV tham gia vào công việc kiểm toán, là căn cứ phân công, ghi chép theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện kiểm toán. Chương trình kiểm toán là căn cứ để đánh giá chất lượng công việc kiểm toán và là minh chứng pháp lý để chứng minh công việc kiểm toán đã được thực hiện một cách phù hợp. Chương trình kiểm toán xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thực hiện, trong đó quan trọng nhất là nội dung các thủ tục kiểm toán đối với từng phần hành kiểm toán. Chương trình kiểm toán có thể được lập cho từng quy trình nghiệp vụ trong CTTC.

KTVNB cần xác định sơ bộ mức độ tin cậy của HTKS NB. Tính trọng yếu và rủi ro cũng là tiêu chuẩn để thiết lập chương trình kiểm toán. Trong chuẩn bị cho chương trình kiểm toán, KTV có thể mở rộng hoặc giới hạn công việc của mình, theo tính trọng yếu. KTV cũng cần quan tâm đến độ tin cậy của bằng chứng và các loại thông tin sẵn có.

Khi lập chương trình kiểm toán, KTVNB cần chọn các bước kiểm toán sao cho tạo ra được các bằng chứng kiểm toán đáng tin cậy.

Giai đoạn 2: Thực hiện kiểm toán nội bộ

Thực hiện KTNB là quá trình thực hiện đồng bộ các công việc đã xác định trong kế hoạch, chương trình KTNB. Bằng việc áp dụng các phương pháp kiểm toán thích hợp, KTV thu thập và phân tích các bằng chứng kiểm toán – cơ sở chứng minh cho kết quả kiểm toán – từ các nguồn khác nhau.

Ngoài hoạt động trung tâm của giai đoạn thực hiện kiểm toán là thu thập bằng chứng kiểm toán để đưa ra các phát hiện kiểm toán thì hai nhiệm vụ hết sức quan trọng trong giai đoạn này là hoạt động kiểm tra, soát xét kiểm toán và hoạt động tổng hợp, phân tích các bằng chứng kiểm toán và các phát hiện kiểm toán. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, kế hoạch kiểm toán có thể phải điều chỉnh, ví dụ như khi rủi ro thực tế là cao hơn đánh giá ban đầu của KTV. Trong những trường hợp cần thiết, khi rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát ở mức cao, KTV cần tiến hành thêm các thử nghiệm mở rộng. Việc tăng cường các thử nghiệm mở rộng có thể làm thay đổi mục tiêu và phạm vi của cuộc kiểm toán và trong trường hợp này, KTVNB phải lập chương trình bổ sung bao gồm cả số lượng KTVNB, thời gian kiểm toán nếu cần thiết. Những công việc chủ yếu được thực hiện trong giai đoạn này bao gồm:

Một là, thu thập và ghi chép bằng chứng kiểm toán

KTVNB áp dụng các phương pháp kiểm toán để thu thập bằng chứng về đối tượng được kiểm toán. Các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán có thể được chia thành phương pháp kiểm toán tuân thủ và phương pháp kiểm toán cơ bản, trong đó phương pháp kiểm toán tuân thủ hướng tới kiểm tra tính đầy đủ và hiệu quả của HTKSNB, còn phương pháp kiểm toán cơ bản được thiết kế và sử dụng nhằm mục đích thu thập các bằng chứng liên quan đến số liệu do hệ thống kế toán xử lý, cung cấp. Các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán cụ thể bao gồm phương pháp kiểm tra đối chiếu, xác nhận, phỏng vấn, quan sát, kiểm tra đối chiếu, cân đối, phân tích số liệu...

Trong quá trình kiểm toán, KTV phải thường xuyên ghi chép các thông tin thu thập được để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Việc ghi chép phải được tập hợp trên các giấy tờ làm việc và hồ sơ kiểm toán. Định kỳ, KTVNB có thể tổng hợp các kết quả kiểm toán và báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch KTNB. Bảng kê tổng hợp là công cụ giúp KTVNB nắm được tiến trình thực hiện, xác định kết quả kiểm toán đã đạt được và định hướng công việc cần tiếp tục thực hiện.

Hai là, phân tích và đánh giá bằng chứng kiểm toán

Trong quá trình thu thập bằng chứng kiểm toán, KTVNB cần phân tích, đánh giá xem liệu các thông tin thu thập được có phải là các phát hiện kiểm toán không, nguyên nhân của các sai phạm được phát hiện... Để đưa ra kết luận, KTVNB cần xem xét các thông tin với các tiêu chuẩn đã được thiết lập. Tiêu chuẩn là các chuẩn mực, luật lệ, chính sách hay thủ tục mà khách thể kiểm toán phải tuân thủ. Các tiêu chuẩn không cố định mà thay đổi theo lĩnh vực kiểm toán và mục tiêu kiểm toán. Ví dụ trong kiểm toán tài chính, đó có thể là những nguyên tắc kế toán được chấp nhận. Đối với kiểm toán hoạt động tính kinh tế và tính hiệu quả việc sử dụng các nguồn lực, đó có thể là các tiêu chí về kết quả hoạt động, sản lượng sản phẩm đầu ra, thời gian hoàn thành kế hoạch... Khi phát hiện những điểm không hợp lý, không tuân thủ qui định, KTNB cần đánh giá ảnh hưởng của sai phạm và tìm hiểu nguyên nhân, để có cơ sở đưa ra đề xuất, kiến nghị với đơn vị được kiểm toán. Các kiến nghị của KTNB có thể theo hướng chấp nhận thực trạng và khắc phục, hoặc có thể là xây dựng mới hoàn toàn các chính sách, thủ tục để đảm bảo hiệu quả hoạt động. Khi xây dựng kiến nghị, KTNB cần có sự trao đổi thảo luận với khách thể kiểm toán về kiến nghị. Tổng hợp các phát hiện và đưa ra kiến nghị đồng bộ được thực hiện vào giai đoạn kết thúc KTNB.

Về các nội dung kiểm toán của KTNB tại CTTC

Với các qui trình nghiệp vụ có đặc điểm khác biệt so với các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, hoạt động KTNB tại các CTTC có các đặc trưng riêng, gắn liền với các qui trình nghiệp vụ cụ thể của CTTC. Nội dung chính của hoạt động KTNB tại các CTTC bao gồm rà soát, đánh giá các nội dung như hệ thống thông tin tài chính; tính đầy đủ, kịp thời,

trung thực và mức độ chính xác của các BCTC; tính hiệu lực và hiệu quả của các qui trình nhận dạng, đo lường và quản lý rủi ro; sự tuân thủ các qui định của pháp luật, qui định về tỷ lệ an toàn, các qui định nội bộ; đánh giá tính kinh tế và hiệu quả của các hoạt động, tính kinh tế của việc sử dụng nguồn lực...

KTNB cần thu thập bằng chứng để đánh giá về tính hiệu quả và tính hiệu lực của các qui trình nghiệp vụ, các thủ tục kiểm soát, tính trung thực hợp lý của các BCTC, sự phù hợp của mục tiêu, chiến lược hoạt động của công ty. Nội dung chính các thủ tục kiểm toán và vấn đề được chú trọng áp dụng vào một số qui trình nghiệp vụ chính của CTTC bao gồm:

KTNB nghiệp vụ tín dụng

KTNB nghiệp vụ tín dụng là một trong những nội dung quan trọng nhất, phức tạp nhất, và được ưu tiên hàng đầu khi tiến hành kiểm toán các TCTD nói chung, CTTC nói riêng. Đó là vì qui mô hoạt động tín dụng thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của một CTTC, thu nhập từ hoạt động tín dụng cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập, và qui trình tín dụng cũng đòi hỏi các kỹ thuật phức tạp ẩn chứa rất nhiều rủi ro, trong đó bao quát nhất là rủi ro tín dụng – loại rủi ro thường xuyên và lớn nhất của một TCTD. Rủi ro tín dụng là khả năng khách hàng vay vốn không trả được nợ cho CTTC theo hợp đồng đã ký. Rủi ro tín dụng có thể chia nhỏ hơn thành rủi ro CTTC cho vay khách hàng có chất lượng tín dụng thấp, rủi ro các khoản vay không được kiểm tra, giám sát thường xuyên, gây ảnh hưởng tới khả năng thu hồi nợ của công ty, rủi ro mức thu nhập từ hoạt động tín dụng không đủ bù đắp mức rủi ro mà công ty phải gánh chịu, rủi ro tín dụng bị tập trung quá vào một số lĩnh vực nhất định, rủi ro tài sản thế chấp không được định giá đúng hoặc bị giảm giá trị, khiến công ty không thu hồi được nợ...

Do vậy, khi thực hiện kiểm toán nghiệp vụ tín dụng, KTVNB cần đánh giá tính hiệu quả và tính hiệu lực của qui trình nghiệp vụ tín dụng trong việc hạn chế, giảm thiểu rủi ro tín dụng, cụ thể là đánh giá sự hợp lý của các qui trình thẩm định tín dụng, các chỉ tiêu, thông tin được phân tích thẩm định là gì, có đầy đủ hay không; qui trình phê duyệt các khoản vay có chặt chẽ, có phân cấp phê duyệt theo giá trị khoản vay không; có các qui định về phân bổ hạn mức tín dụng cho các nhóm khách hàng, ngành nghề nhất định hay không; việc theo dõi, giám sát khoản vay có được thực hiện thường xuyên liên tục hay không... Để thực hiện được các phân tích này, KTV cần nắm rõ qui trình nghiệp vụ đang được áp dụng, đồng thời phải có hiểu biết về các thông lệ tiên tiến được áp dụng trong qui trình phân tích.

Ngoài việc đánh giá sự hợp lý của các qui trình nghiệp vụ, KTVNB cũng cần đánh giá tính tuân thủ của CTTC trong hoạt động tín dụng, bao gồm tuân thủ các qui định của cơ quan nhà nước và của bản thân CTTC. Trong thực tế, các cơ quan nhà nước như chính phủ,

NHNN có rất nhiều qui định liên quan đến hoạt động tín dụng để phục vụ cho chính sách kinh tế vĩ mô mà các TCTD phải tuân thủ, ví dụ giới hạn tốc độ tăng trưởng tín dụng, giới hạn cho vay một lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế (như cho vay chứng khoán, bất động sản), giới hạn lãi suất cho vay...

Để đánh giá tính tuân thủ, KTNB cần hệ thống tất cả các qui định hiện hành có liên quan đến hoạt động của CTTC và đối chiếu với các báo cáo từ bộ phận nghiệp vụ. KTNB có thể lựa chọn một số khoản vay và kiểm tra vào hồ sơ vay vốn để đánh giá tính tuân thủ trong việc thực hiện qui trình của các cán bộ tín dụng.

Đối với các số liệu kế toán, KTNB cần kiểm tra tính chính xác trung thực của các số liệu kế toán bao gồm dư nợ, nợ quá hạn, lãi suất cho vay, mức trích lập dự phòng giữa các sổ chi tiết, sổ tổng hợp, chứng từ giải ngân, hồ sơ vay vốn, đối chiếu dư nợ với khách hàng.

Đối với kiểm toán hoạt động đánh giá hiệu quả khoản vay, KTNB cần đánh giá mức tăng trưởng của dư nợ tín dụng, thu nhập lãi trong kỳ so với mức bình quân của ngành, phân tích tỷ lệ nợ quá hạn, mức thu nhập lãi, mức chênh lệch lãi suất đầu vào – đầu ra...

KTNB nghiệp vụ đầu tư

Cùng với nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ đầu tư cũng là một hoạt động có thể đem lại các nguồn thu nhập lớn cho các CTTC, tuy nhiên cũng tạo ra rủi ro mất vốn hay thu nhập do các biến động trên thị trường hoặc do lựa chọn các khoản đầu tư kém hiệu quả.

Để hạn chế rủi ro hoạt động đầu tư, các CTTC thường áp dụng các biện pháp đa dạng hóa sản phẩm, danh mục đầu tư, qui định hạn mức đầu tư, cũng như các qui trình phân tích, thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư cụ thể. Do vậy, các thủ tục KTNB được thực hiện cần xem xét, đánh giá sự thích hợp của các chiến lược đầu tư, hiệu quả hoạt động đầu tư, kiểm tra việc áp dụng hạn mức đầu tư, cũng như kiểm tra chọn mẫu các khoản đầu tư cụ thể để đánh giá tính tuân thủ qui trình thủ tục đầu tư.

Các thủ tục kiểm toán được thực hiện bao gồm:

- Đánh giá chiến lược đầu tư của CTTC: công ty có chiến lược đầu tư cụ thể không, có tập trung vào thế mạnh của công ty không? Các hạn mức đầu tư có phù hợp và được tuân thủ không?

- Lập danh mục các khoản đầu tư, đối chiếu với sổ cái, bảng cân đối.

- Đánh giá qui trình đầu tư, sự phù hợp của các chỉ tiêu, kỹ thuật được sử dụng, mức độ thường xuyên của các báo cáo phân tích.

- Kiểm tra hồ sơ các khoản đầu tư để đánh giá tính tuân thủ qui trình nghiệp vụ.

KTNB nghiệp vụ huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ căn bản trong hoạt động ngân hàng. Một CTTC hoạt động

hiệu quả là một công ty kiểm soát được nguồn vốn mình đang quản lý, cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn ở tỷ lệ hợp lý. Liên quan đến nghiệp vụ huy động vốn cũng có những rủi ro đáng chú ý là rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh do sự biến động của lãi suất thị trường hoặc của những yếu tố có liên quan đến lãi suất dẫn đến tổn thất về tài sản hoặc làm giảm thu nhập khi có chênh lệch giữa kỳ hạn huy động vốn và kỳ hạn sử dụng vốn của CTTC. Để loại trừ và giảm thiểu tối đa rủi ro lãi suất, các CTTC cần thực hiện: phân tích đánh giá vĩ mô các chỉ tiêu kinh tế để đưa ra nhận định về lãi suất tương lai, từ đó cơ cấu lại tài sản nợ và tài sản có của công ty một cách thích hợp; phân loại các tài sản nợ và có theo từng giai đoạn 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng và 1 năm, từ đó dựa vào phân tích biến động lãi suất trong tương lai; thực hiện cho vay lãi suất thả nổi... Còn rủi ro thanh khoản là rủi ro CTTC mất khả năng chi trả cho khách hàng. Do các CTTC không huy động vốn ngắn hạn và không kỳ hạn, nên rủi ro này ít xảy ra hơn so với các NHTM. Tuy nhiên, rủi ro thanh khoản có thể phát sinh do sự chênh lệch giữa kỳ hạn tài sản nợ và tài sản có. Rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản liên quan đến toàn bộ hoạt động huy động vốn – sử dụng vốn của CTTC. Ngoài ra, còn có một số rủi ro khác như mức lãi suất tiền gửi không được thay đổi cập nhật đầy đủ, rủi ro thất thoát tài sản (tiền mặt) do mất mát, biến thủ...

KTNB nghiệp vụ huy động vốn cần đem đến cho các nhà quản trị công ty cái nhìn tổng thể về hoạt động nguồn vốn, từ đó đưa ra các quyết sách đúng đắn về chiến lược nguồn vốn, sử dụng vốn. Các KTVNB cần đánh giá không chỉ việc chấp hành các quy định về huy động vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn liên quan đến huy động vốn của nhà nước và của chính CTTC, mà còn cần đánh giá sự ổn định và khả năng thanh toán của CTTC, khả năng hạn chế ảnh hưởng của rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản, hiệu quả công tác huy động vốn qua từng thời kỳ thông qua cơ chế lãi suất, biện pháp huy động, độ tin cậy, an toàn của HTKSNB trong nghiệp vụ huy động vốn.

Một số nội dung cụ thể của kiểm toán nghiệp vụ huy động vốn bao gồm:

- Đánh giá sự phù hợp, đầy đủ, chính xác của các phân tích, dự báo về diễn biến của lãi suất; các báo cáo về cơ cấu của nguồn vốn - sử dụng vốn theo các kỳ hạn trong việc hạn chế ảnh hưởng của rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản.

- Rà soát những quy định, qui trình huy động vốn có được ban hành đầy đủ và thường xuyên được chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với các quy định mới của ngành ngân hàng không.

- Đánh giá các tỷ lệ an toàn vốn có trong mức phù hợp.

- Đánh giá hệ thống hỗ trợ kỹ thuật cho nghiệp vụ huy động vốn như hệ thống báo cáo, hệ thống phân tích bảng cân đối và thống kê xử lý lãi suất áp dụng trong sản phẩm huy động có được xây dựng đầy đủ, khoa học và nâng cấp thường xuyên không.

- Đánh giá sự đầy đủ của hệ thống các hạn mức (hạn mức giao dịch, hạn mức tồn quỹ) có hợp lý, có được qui định thành văn bản, và được chấp hành nghiêm túc hay không?

- Chọn mẫu hồ sơ các giao dịch huy động vốn để kiểm tra sự tuân thủ các qui định cụ thể của công ty.

Ngoài các nghiệp vụ chính trên, KTNB tại các CTTC còn thực hiện kiểm toán một số nghiệp vụ khác như kế toán tài chính, mua sắm tài sản, kinh doanh ngoại tệ... Khi thực hiện kiểm toán các nghiệp vụ này, KTNB luôn cần xuất phát từ việc phân tích các rủi ro có thể phát sinh để thực hiện các thủ tục kiểm toán một cách phù hợp.

Giai đoạn 3: Kết thúc kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán

Kết thúc KTNB được thực hiện với hai công việc chủ yếu sau:

Tổng hợp kết quả kiểm toán: Trước hết KTVNB tại các CTTC phải khái quát kết quả thực hiện kiểm tra, xác nhận, đánh giá thực trạng đối tượng KTNB trên cơ sở rà soát toàn bộ hồ sơ kiểm toán. Trên cơ sở đánh giá kết quả của từng phần hành theo các mục tiêu kiểm toán chi tiết của KTNB, KTV tổng hợp và đưa ra đánh giá. KTVNB cần lưu ý, nếu trong quá trình thu thập bằng chứng có nhiều thông tin trái ngược nhau, KTVNB cần tiến hành các thủ tục kiểm toán bổ sung để xác định lại kết luận kiểm toán. Trên cơ sở tổng hợp kết quả kiểm toán, KTVNB lập dự thảo báo cáo để làm việc trong nhóm, trao đổi và thống nhất nội dung trong nhóm KTNB.

Lập báo cáo kiểm toán: Kết thúc quá trình kiểm toán, KTVNB tiến hành lập báo cáo kiểm toán. Báo cáo KTNB gồm các nội dung chính: kết quả kiểm toán và các kết luận, kiến nghị kiểm toán. Trước khi phát hành báo cáo, KTVNB có thể tổ chức họp với đơn vị được kiểm toán nhằm trình bày những phát hiện kiểm toán và tập hợp các ý kiến phản hồi từ phía đơn vị được kiểm toán. Báo cáo KTNB được lập và gửi cho ban lãnh đạo tổ chức và đơn vị được kiểm toán. Không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong đơn vị, báo cáo KTNB còn là nguồn tài liệu hữu ích cho các KTV bên ngoài.

Khi lập báo cáo kiểm toán, KTNB tại các CTTC cần lưu ý không chỉ mô tả các sai phạm phát hiện được, mà còn cần phải lý giải nguyên nhân, so sánh qui trình nghiệp vụ với các thông lệ chung, để từ đó đưa ra các giải pháp kiến nghị phù hợp.

Giai đoạn 4: Theo dõi việc thực hiện kiến nghị kiểm toán

Theo dõi việc thực hiện kiến nghị kiểm toán gồm các hoạt động với mục tiêu nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động KTNB. Việc theo dõi thực hiện kiến nghị kiểm toán tập trung vào việc xem xét các kiến nghị, đề xuất cải tiến hoạt động được kiểm toán đã được đơn vị chấp thuận và mức độ thực hiện và hiệu quả của việc thực hiện các kiến nghị đó. Mặt khác, hoạt động kiểm tra sau kiểm toán còn nhằm đảm bảo việc xử lý các sai phạm về chế độ tài chính, kế toán và vi phạm pháp luật được phát hiện trong hoạt

động của CTTC.

Trình tự kiểm tra việc thực hiện kiến nghị KTNB thường được tiến hành theo các bước cơ bản sau:

Một là, đánh giá mức độ thực hiện kiến nghị KTNB. Bộ phận KTNB có trách nhiệm đánh giá mức độ thực hiện kiến nghị. Bộ phận này cũng có trách nhiệm tìm hiểu và đánh giá các nguyên nhân ảnh hưởng đến việc chưa chấp hành kiến nghị KTNB. Các nguyên nhân có thể do điều kiện khách quan hoặc cũng có thể do nguyên nhân chủ quan. Cần xác định nguyên nhân chủ quan là do HTKSNB của đơn vị hoạt động chưa hiệu quả hay do đơn vị đó cố tình không thực hiện kiến nghị của KTNB. Trong một số trường hợp, kiến nghị của KTNB có thể không phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị được kiểm toán.

Hai là, lập báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị. Báo cáo này được lập khi kết thúc quá trình kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị. Báo cáo này cần nêu rõ mức độ thực hiện kiến nghị, đề xuất biện pháp xử lý trong trường hợp không thực hiện kiến nghị KTNB.

Trên đây là phần mô tả qui trình chung của KTNB áp dụng cho các loại hình kiểm toán khác nhau. Tùy theo loại hình kiểm toán, điều kiện thực hiện, KTNB có thể điều chỉnh qui trình kiểm toán phù hợp với từng cuộc kiểm toán cụ thể.

Một nội dung khác của tổ chức hoạt động kiểm toán là kiểm soát chất lượng KTNB. Kiểm soát chất lượng KTNB là các hoạt động nhằm đảm bảo các công việc KTNB được thực hiện tuân thủ các chuẩn mực và đạt yêu cầu chất lượng. Việc kiểm soát chất lượng KTNB bao gồm các hoạt động kiểm soát chất lượng từng cuộc kiểm toán và kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán nói chung. Quản lý chất lượng từng cuộc kiểm toán hướng về việc đảm bảo sự tuân thủ các thủ tục kiểm toán đề ra, chấp hành các nguyên tắc, chuẩn mực nghề nghiệp. Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán nói chung bao gồm các nội dung như kiểm soát chất lượng nhân sự, đảm bảo chất lượng công việc, phát triển qui trình kỹ thuật kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá thông tin phản hồi từ đơn vị được kiểm toán và người sử dụng kết quả kiểm toán. Kiểm soát, đánh giá chất lượng và hiệu quả của KTNB góp phần quan trọng vào việc củng cố vai trò, trách nhiệm, cũng như sự đóng góp của KTNB cho các CTTC. Do vậy, kiểm soát chất lượng KTNB là rất quan trọng.

Đối với kiểm soát chất lượng từng cuộc KTNB, trưởng bộ phận KTNB và trưởng nhóm KTNB tại CTTC có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát và soát xét giấy tờ làm việc của các KTVNB để đảm bảo tính hoàn chỉnh của công việc, tính nhất quán và tính toàn diện của cuộc kiểm toán phù hợp với kế hoạch kiểm toán. Trong quá trình kiểm toán, các KTVNB chính phụ trách cuộc kiểm toán có trách nhiệm chỉ đạo, thông báo cho các nhân viên cấp dưới về các vấn đề liên quan đến kế toán, kiểm toán có khả năng phát sinh gây ảnh hưởng đến bản chất, thời gian và phạm vi các thủ tục kiểm toán. Trưởng nhóm KTNB có trách nhiệm giám sát tiến độ kiểm toán nhằm xác định xem nhân viên KTNB cấp dưới có đủ các

kỹ năng và năng lực cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao hay không, và công việc có được thực hiện theo đúng tiến độ đặt ra hay không. Việc giám sát cũng nhằm đảm bảo rằng những vấn đề quan trọng phát sinh đã được nhận biết và kế hoạch kiểm toán được chỉnh sửa phù hợp.

Đối với kiểm soát chất lượng hoạt động KTNB, các công ty phải tổ chức bộ máy kiểm soát chất lượng và ban hành các chính sách, thủ tục kiểm soát chất lượng đối với toàn bộ hoạt động KTNB.

Đối với các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng, cần xác định các yếu tố sau:

Một là, xác định rõ mô hình tổ chức, vị trí, mối liên hệ giữa KTNB và HĐQT, UBKT, BGD và các bộ phận chức năng khác trong đơn vị. Đứng trên góc độ đảm bảo hiệu quả kiểm soát, nhà quản lý cao cấp nhất phải thực hiện kiểm soát bộ phận KTNB. Nhà quản lý có thể dựa vào các tiêu chuẩn hay chiến lược hoạt động để đánh giá kết quả hoạt động của bộ phận KTNB.

Hai là, xây dựng chính sách KTNB đầy đủ, bao gồm qui chế, qui trình, hệ thống chuẩn mực KTNB làm cơ sở cho hoạt động KTNB và cho việc chỉ đạo, giám sát, quản lý chất lượng KTNB.

Ba là, cần xây dựng chính sách kiểm soát chất lượng KTNB đầy đủ toàn diện, bao gồm các vấn đề như qui định về đạo đức nghề nghiệp của KTVNB, về qui trình tuyển dụng, đào tạo, về hướng dẫn, giao việc và giám sát công việc...

Bộ máy kiểm soát chất lượng có thể một bộ phận chuyên trách làm nhiệm vụ quản lý chất lượng KTNB nằm trong phòng KTNB tại trụ sở chính, hoặc một bộ phận độc lập như UBKT đảm nhiệm. Đối với từng cuộc kiểm toán, thì từng đoàn kiểm toán mà người đứng đầu là trưởng đoàn kiểm toán phải chịu trách nhiệm về việc kiểm soát chất lượng kiểm toán. Ngoài ra, CTTC cần xem xét sự cần thiết có sự đánh giá từ một tổ chức từ bên ngoài đối với KTNB của công ty, ví dụ 3 đến 5 năm một lần cần có các KTV từ một công ty KTDL và có trình độ về KTNB thực hiện rà soát.

Để với đo lường chất lượng của KTNB có thể căn cứ vào các tiêu chí chủ yếu sau:

Thứ nhất, mức độ thỏa mãn về tính khách quan và độ tin cậy vào ý kiến kiểm toán của đơn vị được kiểm toán. Tính khách quan, độc lập của KTV là điều kiện trước tiên để đảm bảo ý nghĩa của hoạt động kiểm toán. Để đánh giá được chỉ tiêu này, người ta xem xét tính tuân thủ các chuẩn mực nghề nghiệp của KTV và bộ phận KTNB. Việc đánh giá cần bao quát các khía cạnh như tính độc lập, khách quan, chính trực; kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của KTV; các phương pháp thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán; công tác giám sát, quản lý cuộc kiểm toán; các thủ tục soát xét, phát hành báo cáo kiểm toán...

Thứ hai, mức độ thỏa mãn về những đóng góp của KTV nhằm nâng cao hiệu quả

công tác kiểm soát của đơn vị được kiểm toán theo các qui định chung của nhà nước cũng như của ngành ngân hàng. Điều này thể hiện ở các khía cạnh như: KTV tuân thủ đúng chuẩn mực kiểm toán; KTV có nhiều ý kiến tư vấn, khuyến nghị hữu ích cho đơn vị được kiểm toán (phát hiện các sai sót, cảnh báo sai sót hoặc rủi ro có thể xảy ra, tư vấn biện pháp ngăn ngừa rủi ro); báo cáo kiểm toán được phát hành theo đúng thời gian đề ra và chi phí cho quá trình kiểm toán ở mức độ phù hợp.

3. Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ tại các công ty tài chính

Tổ chức bộ máy KTNB “bao gồm con người và phương tiện chứa đựng các yếu tố của kiểm toán để thực hiện chức năng kiểm toán” [45, tr.210]. Tổ chức bộ máy KTNB phải dựa trên cơ sở tổ chức hoạt động KTNB và các đặc điểm của CTTC.

Xét về cơ cấu tổ chức, bộ phận KTNB trong CTTC có thể được tổ chức thành một phòng hoặc ban KTNB, phụ thuộc vào qui mô, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động và các lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy KTNB có thể xem xét trên hai khía cạnh chính là mô hình tổ chức và tổ chức nhân sự KTNB.

Về mô hình tổ chức

Để có thể tổ chức KTNB một cách phù hợp, trước tiên cần xem xét qui mô, cơ cấu tổ chức của từng loại hình CTTC khác nhau. Trên thực tế, các CTTC có thể có qui mô, cơ cấu tổ chức khác nhau, từ các CTTC có qui mô lớn, hoạt động rộng khắp với nhiều chi nhánh, tới các CTTC có qui mô nhỏ, hoạt động tập trung tại trụ sở chính. Các CTTC cần căn cứ vào đặc điểm của mình để xây dựng bộ máy KTNB phù hợp.

Các mô hình tổ chức KTNB chính có thể áp dụng tại CTTC gồm có:

Thứ nhất, mô hình tổ chức KTNB tập trung

Theo mô hình này bộ phận KTNB chỉ thành lập tại trụ sở chính, công ty mẹ; tại các đơn vị trực thuộc không thành lập bộ phận KTNB. Bộ phận KTNB trung tâm sẽ thực hiện toàn bộ công tác kiểm toán tại trụ sở chính và tại các đơn vị thành viên. Mô hình tổ chức này có ưu điểm là đảm bảo tính khách quan, độc lập của hoạt động kiểm toán đối với các đơn vị thành viên; tổ chức bộ máy KTNB gọn nhẹ và chỉ chịu sự chỉ huy trực tiếp của người đứng đầu, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao tính chuyên nghiệp của KTNB. Do lực lượng KTVNB tập trung tại trụ sở chính nên có điều kiện chuyên môn hóa đội ngũ KTV và đào tạo nâng cao trình độ nghề nghiệp.

Tuy nhiên, mô hình này có hạn chế là tại các đơn vị trực thuộc không phát huy đầy đủ vai trò của KTNB (những cuộc kiểm toán của cơ quan cấp trên thường mang tính thanh tra, kiểm tra hoặc chỉ kiểm toán những hoạt động chính được cơ quan cấp trên quan tâm; còn lại các hoạt động khác mà thủ trưởng đơn vị cần đánh giá thì phải tự thuê ngoài dịch vụ kiểm toán hoặc tự tổ chức kiểm tra). Mô hình tổ chức này chỉ nên áp dụng đối với các

doanh nghiệp xây dựng theo mô hình tổ chức độc lập hoặc số tổ chức thành viên và quy mô của tổ chức thành viên không lớn, tập trung trên cùng một địa bàn. Đây cũng là mô hình phù hợp với hoạt động mang tính tập trung, bộ máy gọn nhẹ của các CTTC.

Thứ hai, mô hình tổ chức KTNB phân tán

Theo mô hình này bộ phận KTNB được thành lập tại trụ sở chính, công ty mẹ và tại tất cả các đơn vị trực thuộc. Bộ phận KTNB tại trung tâm có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ hoạt động của tổ chức KTNB tại các đơn vị thành viên và thường thực hiện những cuộc kiểm toán phức tạp hoặc có quy mô toàn doanh nghiệp.

Mô hình tổ chức này có ưu điểm là KTNB phát huy đầy đủ vai trò ở các đơn vị của doanh nghiệp; bộ phận KTNB tại các đơn vị thành viên có thể trực tiếp và chủ động kiểm tra và giám sát hoạt động của đơn vị mình, giảm bớt gánh nặng cho bộ phận KTNB trung tâm.

Tuy nhiên, mô hình này có hạn chế là lực lượng KTVNB bị bố trí phân tán ở nhiều đơn vị và thường có số lượng ít, do vậy, khó có điều kiện để chuyên môn hóa đội ngũ KTV và đào tạo nâng cao trình độ nghề nghiệp; mặt khác, nếu không tổ chức một cách hợp lý có thể dẫn đến bộ máy KTNB trong cơ quan, tổ chức công kênh, lãng phí. Mô hình này đòi hỏi sự kiểm soát của bộ phận KTNB trung tâm đối với các bộ phận KSNB tại các đơn vị thành viên phải được tiến hành thường xuyên, chặt chẽ.

Mô hình tổ chức này chỉ nên áp dụng đối với các các CTTC có quy mô tương đối lớn, hoạt động có địa bàn rộng.

Thứ ba, mô hình kết hợp

Mô hình kết hợp là mô hình tổ chức bộ phận KTNB dựa trên sự kết hợp của hai mô hình trên. Theo mô hình này, ngoài bộ phận KTNB ở trụ sở chính, công ty mẹ, thì tại các đơn vị thành viên có quy mô lớn có thể thành lập bộ phận KTNB; các đơn vị còn lại có thể được thực hiện kiểm toán bởi bộ phận KTNB của trụ sở chính hoặc bởi bộ phận KTNB khu vực được thành lập.

Mô hình tổ chức này có ưu điểm là đảm bảo tính năng động, có thể phát huy được các ưu điểm và khắc phục được hạn chế của mỗi mô hình tổ chức trên.

Mô hình tổ chức KTNB này thường được áp dụng với các CTTC được tổ chức thành hệ thống với quy mô lớn, địa bàn rộng nhưng quy mô, cơ cấu của các chi nhánh không đều.

Xét về cấu trúc tổ chức, bộ máy KTNB có thể được tổ chức theo các cách tiếp cận sau:

Một là, tổ chức bộ máy KTNB theo loại hình kiểm toán

Một bộ phận kiểm toán có thể chia theo từng loại hình kiểm toán, ví dụ kiểm toán tài

chính, kiểm toán hoạt động, và có thể chia nhỏ các lĩnh vực đó để phân cấp tiếp. Cách thức tổ chức theo loại kiểm toán dựa trên lô-gic thực tế là mỗi KTV sẽ làm việc hiệu quả nhất nếu họ được giao trách nhiệm kiểm toán một lĩnh vực nhất định.

Ưu điểm lớn nhất của cách tổ chức này là tạo ra sự chuyên môn hóa trong công việc, tuy nhiên cũng có nhược điểm lớn là tạo ra sự trùng lặp công việc kiểm toán. Khi thực hiện theo lĩnh vực kiểm toán, chi phí đi lại của KTV sẽ tăng lên, thời gian sẽ bị mất nhiều hơn. Ngoài ra, tiến hành kiểm toán theo lĩnh vực sẽ tạo cho KTV tư duy máy móc, ít thay đổi về phương pháp thực hiện. Việc mô hình này thường được áp dụng theo hướng các KTVNB cấp thấp tập trung nhiều hơn vào các thủ tục và kỹ thuật kiểm toán, trong khi KTVNB cấp cao chú trọng các vấn đề mang tính quản lý rộng hơn.

Hai là, tổ chức KTVNB theo cấu trúc tương ứng với khối chức năng

Với các CTTC qui mô lớn thì có thể giao trách nhiệm cho KTVNB theo từng khối chức năng như khối thực hiện chức năng kinh doanh, khối thực hiện chức năng nhân sự... Lợi ích của cách tổ chức này cũng tạo ra tính chuyên môn hóa trong công việc, các KTV có kiến thức sâu hơn về hoạt động của đối tượng được kiểm toán. KTV có cơ hội phát triển mối quan hệ với các cấp quản lý, tăng cường khả năng trao đổi thông tin trong ngành hay trong khối chức năng mà KTV phụ trách. Tuy nhiên, cách tổ chức này cũng có những nhược điểm nhất định. Nhược điểm thứ nhất là sự trùng lặp trong công việc kiểm toán, tăng chi phí đi lại và làm lãng phí thời gian. Một nhược điểm nữa là KTV có thể thiếu cái nhìn tổng quát và hiểu biết về mối quan hệ giữa các khối chức năng với nhau. Ngoài ra, cách tổ chức này có thể dẫn tới các mối quan hệ đặc biệt giữa KTV với các nhà quản lý của khối chức năng, làm ảnh hưởng tới tính độc lập và khách quan của KTVNB.

Thứ ba, tổ chức KTVNB theo khu vực địa lý

Theo cách tiếp cận theo khu vực địa lý, tất cả các hoạt động của công ty ở một khu vực địa lý sẽ được giao cho một KTV hoặc một nhóm KTV. Khi sắp xếp tổ chức bộ máy KTVNB theo khu vực địa lý có thể kết hợp với cách thức tổ chức theo lĩnh vực kiểm toán như mô hình thứ nhất hoặc cách tổ chức theo khối chức năng như mô hình thứ hai. Đây là cách tiếp cận được đánh giá tốt nhất và được sử dụng nhiều nhất trong thực tế. Đây cũng là mô hình phù hợp với các CTTC là loại hình công ty có tổ chức gọn nhẹ, hoạt động tập trung.

Thứ tư, tổ chức bộ phận KTVNB sử dụng nhân viên ở trụ sở

Đây là mô hình tổ chức bộ phận KTVNB trong đó bộ phận KTVNB được tổ chức theo một trong ba mô hình nêu trên kết hợp với bộ phận KTVNB ở trụ sở chính hay văn phòng điều hành trung tâm của công ty. Theo cách tổ chức này, báo cáo kiểm toán được xem xét và xử lý ở cấp lãnh đạo văn phòng trung tâm. Cách thức tổ chức này đòi hỏi có sự hỗ trợ về

mặt hành chính tại văn phòng điều hành trung tâm.

Thứ năm, mô hình linh hoạt, sử dụng các nhân viên kiểm toán đặc biệt hoặc các nhân viên kiểm toán không chính thức

Đây có thể coi là mô hình hoạt động linh hoạt của KTNB. Bộ phận KTNB tại trụ sở chính có thể có những chuyên gia thực hiện các lĩnh vực kiểm toán đặc biệt. Họ có thể là các chuyên gia máy tính, chuyên gia kỹ thuật và không nhất thiết phải là các KTV. Trong một số trường hợp, những người này không phải là nhân viên chính thức của đơn vị mà có thể làm theo từng hợp đồng riêng biệt. Khi sử dụng những nhân viên này, cần có sự đảm bảo hợp lý về trình độ chuyên môn và tính độc lập của họ. Bộ phận KTNB tại các CTTC có thể áp dụng cách thức tổ chức này để thuê các chuyên gia công nghệ thông tin thực hiện kiểm toán lĩnh vực công nghệ thông tin và các lĩnh vực đặc biệt khác mà các KTV thường không có kinh nghiệm chuyên sâu.

Như vậy, có thể thấy cách thức tiếp cận nào thì khi tổ chức bộ máy KTNB phải luôn theo sát sự biến động của cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động, lĩnh vực hoạt động.

Những điều chỉnh về tổ chức bộ máy KTNB có thể phải được cân nhắc trong những trường hợp cần thiết.

Về mối quan hệ giữa bộ phận KTNB và các bộ phận khác trong tổ chức, bộ phận KTNB cần độc lập với các hoạt động được kiểm toán và với quy trình KSNB hàng ngày. KTNB cần được làm việc và báo cáo trực tiếp tới ban lãnh đạo cao nhất của CTTC như HĐQT, UBKT để đảm bảo KTNB được có một vị thế phù hợp trong tổ chức, và thực hiện các nhiệm vụ của mình với sự khách quan và công bằng. Bộ phận KTNB có thể yêu cầu các bộ phận khác tuân thủ kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt và cung cấp các thông tin tài liệu liên quan đến cuộc kiểm toán. KTNB sẽ đánh giá kết quả, kiến nghị đối với bộ phận chức năng được kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả kiểm toán. Các bộ phận chức năng có thể tham gia đánh giá hoạt động kiểm toán, ý nghĩa thực tiễn của các kết quả kiểm toán.

Về tổ chức nhân sự KTNB

Đứng đầu bộ phận KTNB là trưởng bộ phận KTNB, người chịu trách nhiệm chính trong điều hành hoạt động của KTNB. Sau đó tới phó bộ phận KTNB và các KTVNB. Các nhiệm vụ chính trưởng bộ phận KTNB bao gồm: xây dựng kế hoạch kiểm toán hàng năm; tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt; lập các báo cáo kiểm toán định kỳ; xây dựng, bổ sung, sửa đổi qui trình kiểm toán... Trưởng bộ phận KTNB có thể do HĐQT hoặc UBKT bổ nhiệm. Số lượng KTVNB phụ thuộc vào quy mô kinh doanh, địa bàn hoạt động, số lượng các đơn vị thành viên tính chất phức tạp của công việc, yêu cầu quản lý kinh doanh và trình độ, năng lực nghề nghiệp của KTV.

Để đáp ứng yêu cầu công việc, các KTVNB phải đạt được một số tiêu chuẩn, điều

kiện nhất định. Một trong những tiêu chuẩn hàng đầu đối với KTVNB là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. KTVNB phải đảm bảo có đủ kiến thức cả lý thuyết lẫn thực tiễn cũng như am hiểu về luật pháp để thực hiện việc kiểm toán. Do KTVNB là một bộ phận thuộc tổ chức, nên các tiêu chí cụ thể đối với các KTVNB sẽ do ban lãnh đạo mỗi đơn vị quyết định. Nhìn chung, các tổ chức đều đưa ra những yêu cầu về trình độ chuyên môn, ví dụ các hiểu biết về kế toán tài chính và về các qui trình nghiệp vụ của công ty. Năng lực chuyên môn có thể được duy trì thông qua đào tạo liên tục và có hệ thống đối với mỗi nhân viên KTVNB. Tất cả các nhân viên của bộ phận KTVNB đều cần có những kiến thức cập nhật ở một mức độ nhất định về kỹ thuật kiểm toán và các hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài kiến thức về kiểm toán, sự hiểu biết về các qui trình nghiệp vụ là rất quan trọng với các KTVNB tại CTTC, vì các qui trình trong hoạt động ngân hàng thường phức tạp, đòi hỏi KTV phải có hiểu biết sâu sắc. Một số CTTC có thể yêu cầu KTVNB làm việc thực tế tại qui trình nghiệp vụ trước khi làm việc tại bộ phận KTVNB.

Một tiêu chuẩn quan trọng nữa của KTVNB là phải có đạo đức nghề nghiệp. KTVNB phải là người trung thực, liêm chính, có lương tâm nghề nghiệp; đồng thời phải có đức tính thận trọng, đúng mực, không được phép đưa ra các kết luận hoặc quyết định thiếu căn cứ. KTVNB là một nghề đòi hỏi tính tuân thủ luật pháp rất cao. Trong khi hành nghề, KTVNB phải luôn coi trọng và chấp hành đúng chế độ, thể lệ, nguyên tắc, luật pháp của nhà nước và các chuẩn mực nghề nghiệp. KTVNB phải tuyệt đối tôn trọng bí mật thông tin thu thập được trong quá trình kiểm toán. KTVNB chỉ được phép tiết lộ thông tin khi đã có sự ủy quyền đặc biệt hoặc trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm nghề nghiệp được công bố.

KTVNB phải độc lập, khách quan trong việc đưa ra ý kiến mà không chịu bất kỳ ảnh hưởng nào tác động trái với những đánh giá chuyên nghiệp. KTVNB không được có các quan hệ thực tế và hoàn cảnh có ảnh hưởng đáng kể làm cho bên thứ ba hiểu là không độc lập, không khách quan, không đảm bảo tính trung thực, thận trọng nghề nghiệp. KTV không được tham gia kiểm toán tại các đơn vị mà họ chịu trách nhiệm thực hiện hoặc quản lý trước đây, hoặc có quan hệ gia đình với thành viên ban lãnh đạo đơn vị được kiểm toán.

KTVNB là hoạt động tư vấn và đảm bảo khách quan và độc lập được thiết lập nhằm tăng cường và cải thiện chất lượng hoạt động của các CTTC. Để thực hiện nhiệm vụ của mình, bộ phận KTVNB tại các CTTC cần xây dựng chính sách KTVNB chính thức để làm cơ sở cho việc tổ chức và thực hiện hoạt động kiểm toán. Chính sách KTVNB là hệ thống các qui định, chuẩn mực trong hoạt động KTVNB, trong đó qui định rõ các vấn đề cơ bản về KTVNB như mục đích, vị trí, vai trò... của KTVNB trong tổ chức.

Chính sách KTVNB thường được thể hiện trong điều lệ, hoặc qui chế KTVNB. Những vấn đề chính được qui định trong điều lệ, hay qui chế KTVNB bao gồm:

Thứ nhất, chức năng của KTNB. Chức năng của KTNB tại các CTTC là đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong CTTC, nhằm cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ. KTNB được khuyến khích thực hiện hoạt động tư vấn, tham gia vào quá trình xây dựng, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ với điều kiện không được vi phạm nguyên tắc độc lập, khách quan của KTNB.

Thứ hai, vị trí của KTNB trong CTTC. Chính sách KTNB cần xác định rõ vị trí của KTNB trong công ty, các kênh báo cáo của KTNB về mặt hành chính và mặt chức năng, cũng như các vấn đề về cơ chế bổ nhiệm và đãi ngộ với trường bộ phận KTNB cũng như các KTVNB.

Thứ ba, nội dung và phạm vi kiểm toán của KTNB. Nội dung chính của KTNB tại các CTTC là kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Phạm vi kiểm toán bao gồm tất cả các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ, đơn vị bộ phận của công ty.

Ngoài ra, chính sách KTNB còn qui định các vấn đề như các nguyên tắc tổ chức, hoạt động, các qui tắc đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu về năng lực chuyên môn, phương pháp luận của hoạt động kiểm toán... Điều lệ, qui chế KTNB chính là những tài liệu có tính pháp lý cao nhất về KTNB tại các CTTC, là căn cứ, cơ sở cho hoạt động KTNB.

Nếu những vấn đề cơ bản nhất được qui định trong điều lệ, qui chế, thì những qui định cụ thể về trình tự các bước kiểm toán, nội dung các thủ tục kiểm toán cụ thể được qui định trong qui trình, hướng dẫn thực hiện kiểm toán. Qui trình kiểm toán là tài liệu cụ thể hóa các bước của một cuộc kiểm toán, từ lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán đến kết thúc kiểm toán và theo dõi việc thực hiện kiến nghị.

Các chính sách kiểm toán cần được xây dựng và phổ biến tới các KTVNB trong CTTC để tăng cường tính độc lập, khách quan, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả và hiệu lực của công việc kiểm toán, đưa ra hướng dẫn phù hợp cho tất cả các KTVNB trong việc thực hiện và báo cáo công việc hàng ngày. Các chính sách kiểm toán cần được cập nhật và điều chỉnh thường xuyên khi có sự thay đổi trong các hoạt động của KTNB tại các CTTC.